

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình mua sắm tài sản công năm 2023 và công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2022

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT -BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-SKHĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ hoạt động nhiệm vụ chuyên môn của Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2023

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai tình hình mua sắm tài sản công năm 2023 (Mẫu biểu số 09a-CK/TSC).

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2021 (Mẫu biểu số 09c-CK/TSC).

- Công khai tình hình mua sắm năm 2022 (Mẫu biểu số 09a1-CK/TSC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TN;
- Ban biên tập Web (c/k)
- Lưu :VT, VP

Handwritten mark



Hà Văn Dương

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan sử dụng tài sản: Sở Kế hoạch và Đầu tư
 Mã đơn vị: 1019266

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH MUA SẴM TÀI SẢN CÔNG NĂM 2023

tháng năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Quyết định số: /QĐ-SKHĐT ngày



TT	Tên tài sản	ĐVT	SL	Nhãn hiệu	Nước SX	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản HH, CK, KM, khuyến mại thu được khi TH mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiến đấu, khuyến mại (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
I	Mua sắm tài sản						187.330						
1	Máy điều hòa treo tường 18.000BTU	Chiếc	04			2023	60.000	Mua sắm tập trung					
2	Máy tính để bàn	Bộ	07	ĐNA		2023	80.500	Chỉ định thầu					
3	Máy in Canon 2900	Chiếc	01			2023	4.850	Chỉ định thầu					
4	Máy in Canon LBP 233DW	Chiếc	02			2023	11.980	Chỉ định thầu					
5	Tủ tài liệu 3 buồng Hòa Phát	Chiếc	03			2023	15.000	Mua sắm trực tiếp					
6	Bộ bàn ghế tiếp khách	Bộ	01			2023	10.000	Mua sắm trực tiếp					
7	Tủ tài liệu	Chiếc	01			2023	5.000	Mua sắm trực tiếp					
II	Mua sắm TS, CC dụng cụ, sửa chữa						58.670	Mua sắm trực tiếp					
	Tổng cộng: I + II						246.000						

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Sở Kế hoạch và đầu tư Thái Nguyên
 Mã đơn vị: T55006
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước



**TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
 NĂM 2022**

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng											
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ danh chức tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác				
				Tổng cộng	Trong đó	Nguyên sách									6	7	8	9
I	Ô tô		1	1.161.600,00	1.161.600,00	1.161.600,00	348.131,52											
1	Xe ô tô Fortuner màu đen V2.74x4	Văn phòng Sở	1	1.161.600,00	1.161.600,00	1.161.600,00	348.131,52	X										
II	Tài sản cố định khác		179	5.068.222,05	4.981.624,05	86.598,00	265.228,75											
	Tài sản trên 500 triệu		2	1.228.006,30	1.228.006,30													
1	Hệ thống âm thanh, mic phòng họp (Phòng họp tầng 7)		1	691.606,30	691.606,30													
2	Phần mềm Một cửa điện tử, dịch vụ công	Văn phòng Sở	1	536.400,00	536.400,00													
	Tài sản dưới 500 triệu		177	3.840.215,75	3.753.617,75	86.598,00	265.228,75											

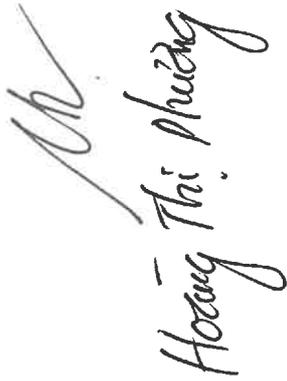
32	Máy tính xách tay ASUS Zenboobk UX 303LN-C4173H	Phòng Giám đốc	1	23.430,00	23.430,00															
33	Máy tính xách tay ASUS Zenbook UX 303LN-C4173H	Văn phòng Số	1	23.430,00	23.430,00															
34	Máy tính xách tay	Phòng Thanh tra	1	12.900,00	12.900,00															
35	Máy tính xách tay Dell	Phòng Kinh tế đối ngoại	1	17.050,00	17.050,00	17.050,00														
36	Máy in Canon LBP 3300	Phòng Tổng hợp	1	5.200,00	5.200,00	5.200,00														
37	Máy in Canon LBP 3300	Phòng Kinh tế Ngân	1	5.200,00	5.200,00	5.200,00														
38	Máy in Canon LBP 3300	Phòng Đăng ký Kinh doanh	1	5.200,00	5.200,00	5.200,00														
39	Máy Photo KTS-Kyocera F6025	Phòng Đăng ký Kinh doanh	1	76.000,00	76.000,00	76.000,00														
40	Máy Photocopy Ricoh	Phòng Văn thư	1	88.500,00	88.500,00	88.500,00	22.125,00													
41	Máy photocopy Bizhub 450i		1	75.785,00	75.785,00	75.785,00	56.838,75													
42	Máy Photo KTS Xerox (ICLT)	Văn phòng 1 của liên thông của tỉnh	1	59.310,00	59.310,00	59.310,00														
43	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 12000 BTU (P602)		1	15.000,00	15.000,00	15.000,00														
44	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 28000 BTU (Phòng họp tầng 7)		1	31.000,00	31.000,00	31.000,00														

45	Điều hòa nhiệt độ Panasonic 24.000 BTU (P310)		1	18.100,00	18.100,00	18.100,00	2.262,50												
46	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 18000 BTU (P501)		1	21.000,00	21.000,00	21.000,00													
47	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU (P509)		1	21.000,00	21.000,00	21.000,00													
48	Điều hòa nhiệt độ 28000 BTU (Phòng họp tầng 6)		1	31.000,00	31.000,00	31.000,00													
49	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 12000 BTU (P311)		1	15.000,00	15.000,00	15.000,00													
50	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU (P509)		1	21.000,00	21.000,00	21.000,00													
51	Điều hòa nhiệt độ LG 28000 BTU (Phòng họp tầng 7)		1	34.955,00	34.955,00	34.955,00													
52	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 18000 BTU (P410)		1	21.000,00	21.000,00	21.000,00													
53	Điều hòa nhiệt độ Mitsubishi 28000 BTU (Phòng 602)		1	31.000,00	31.000,00	31.000,00													
54	Điều hòa nhiệt độ 28000 BTU (Phòng 601)		1	31.000,00	31.000,00	31.000,00													

105	Bộ Sa lông gỗ tiếp khách 2	Phòng Phó Giám đốc (ĐVH)	1	19.800,00	19.800,00	2.475,00														
106	Ghế gỗ (Phòng họp tầng 4)		1	16.326,00	16.326,00															
107	Bàn thu ngân gỗ sồi (1 cửa Sở KH)	Văn phòng Sở	1	18.800,00	18.800,00															
108	Ghế học ni đồ (Phòng họp tầng 4)		1	38.115,00	38.115,00															
109	Bục trưng Bác (phòng họp tầng 7)		1	14.960,00	14.960,00															
110	Bàn họp ovan (Phòng họp tầng 4)		1	40.300,00	40.300,00															
111	Máy Scan Kodak 12620	Phòng Đăng ký Kinh doanh	1	40.150,00	40.150,00															
112	Máy điều hòa LG 2 chiều	Văn phòng Sở	1																	
113	Máy điều hòa Panasonic YZ12SKH	Phòng Khoa giáo văn xã	1	13.700,00	13.700,00	1.712,50														
114	Máy chiếu Sony LCD DX146, màn chịu(1CLT)	Văn phòng 1 của liên thông của tỉnh	1	30.250,00	30.250,00															
115	Ti vi 85	Văn phòng Sở	1	82.150,00	82.150,00	16.430,00														
116	Tivi Sony LCD 48R470B VN3 (VT)	Phòng Văn thư	1	17.116,00	17.116,00															
117	Máy ảnh Canon SX520	Văn phòng Sở	1	5.990,00	5.990,00															
118	Micro đại biểu TOA TS772	Văn phòng 1 của liên thông của tỉnh	1	7.654,90	7.654,90															
119	Micro đại biểu TOA TS772	Văn phòng 1 của liên thông của tỉnh	1	7.654,90	7.654,90															
120	Micro đại biểu TOA TS772	Văn phòng 1 của liên thông của tỉnh	1	7.654,90	7.654,90															

176	Case máy tính lắp ráp để bàn	Phòng Thành tra	1	5.390,00	5.390,00	4.312,00						
177	Case máy tính lắp ráp để bàn	Phòng Kinh tế Ngành	1	6.765,00	6.765,00	5.412,00						
	Tổng		180	6.229.822,05	6.143.224,05	613.360,27	86.598,00					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Hoàng Thị Phương Nhai

.....ngày.....tháng.....năm 2022
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)